

**DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐĂNG KÝ TRONG HỌC KỲ HÈ NĂM HỌC 2022 - 2023**

Khóa 2017 + 2018 + 2019 + 2020 + 2021 + 2022

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	TN	GHI CHÚ
1	DH_CDT	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	4	60	45	15	0	0	0	0	0	
2	DH_CDT	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
3	DH_CDT	GS43001	Vật lý 1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
4	DH_CDT	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
5	D21_CDT	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
6	DH_DDT	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	4	60	45	15	0	0	0	0	0	
7	DH_DDT	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
8	DH_DDT	GS43001	Vật lý 1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
9	DH_DDT	AA19002	Xác suất thống kê	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
10	DH_DDT	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
11	D21_DDT	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
12	DH_DTVT	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	4	60	45	15	0	0	0	0	0	
13	DH_DTVT	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
14	DH_DTVT	GS43001	Vật lý 1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
15	DH_DTVT	AA19002	Xác suất thống kê	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
16	DH_DTVT	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
17	D21_DTVT	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
18	DH_CNNT	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	4	60	45	15	0	0	0	0	0	
19	DH_CNNT	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
20	DH_CNNT	GS43001	Vật lý 1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
21	DH_CNNT	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
22	DH_CNNT	CS09001	Nhập môn lập trình	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
23	DH_CNNT	CS03042	Triển khai hệ thống thông tin	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
24	D21_CNNT	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
25	DH_CNTP	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	4	60	45	15	0	0	0	0	0	
26	DH_CNTP	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
27	DH_CNTP	GS43001	Vật lý 1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
28	DH_CNTP	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
29	D21_CNTP	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
30	DH_QTKD	BA13901	Toán C1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
31	DH_QTKD	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
32	DH_QTKD	BA19009	Xác suất thống kê	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
33	DH_QTKD	BA19004	Phương pháp định lượng trong quản trị	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
34	DH_QTKD	BA19003	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
35	D21_QTKD	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
36	DH_QT2_MAR	BA13901	Toán C1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
37	DH_QT2_MAR	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
38	DH_QT2_MAR	BA19009	Xác suất thống kê	3	45	30	15	0	0	0	0	0	

**DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐĂNG KÝ TRONG HỌC KỲ HÈ NĂM HỌC 2022 - 2023**

Khóa 2017 + 2018 + 2019 + 2020 + 2021 + 2022

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	TN	GHI CHÚ
39	DH_QT2_MAR	BA19004	Phương pháp định lượng trong quản trị	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
40	DH_QT2_MAR	BA19003	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
41	D21_QT2_MAR	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
42	DH_QT3_TC	BA13901	Toán C1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
43	DH_QT3_TC	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
44	DH_QT3_TC	BA19009	Xác suất thống kê	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
45	DH_QT3_TC	BA19004	Phương pháp định lượng trong quản trị	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
46	DH_QT3_TC	BA19003	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
47	D21_QT3_TC	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
48	DH_KTXD	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	4	60	45	15	0	0	0	0	0	
49	DH_KTXD	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
50	DH_KTXD	GS43001	Vật lý 1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
51	DH_KTXD	CI03002	Bê tông cốt thép 2	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
52	DH_KTXD	CI09004	Cơ học kết cấu 1	3	45	30	15	0	0	0	0	0	
53	DH_KTXD	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	0	
54	D21_KTXD	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
55	D22_TKCN_TT	DE09008	Thực tập cơ sở	1	45	0	0	0	0	45	0	0	
56	D22_TKCN_DH	DE09008	Thực tập cơ sở	1	45	0	0	0	0	45	0	0	
57	D22_TKCN_NT	DE09008	Thực tập cơ sở	1	45	0	0	0	0	45	0	0	
58	D21_TKCN	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	
Các môn học không có trong danh sách nhưng sinh viên có nguyện vọng đăng ký học trong học kỳ hè năm học 2022 - 2023:													
Sinh viên đăng ký theo nguyện vọng của mình. Tối đa 3 môn học. Nếu đủ sĩ số mở lớp, Phòng Đào tạo sẽ tổ chức.													
1													
2													
3													